

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rón.
2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H - Sinh năm 1974 - Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện I, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn B - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện I, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

Bà và ông Lý Văn B xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện I, tỉnh Long An. Chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến mất hạnh phúc. Ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lý Văn B.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Lý Văn G, sinh ngày 24/12/1998, Lý Thái Học, sinh ngày 11/6/2005 và Lý Ngọc Hương V, sinh ngày 27/7/2012 - 03 con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn con chung Lý Văn G đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lý Thái Học và Lý Ngọc Hương V. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2020 bị đơn ông Lý Văn B trình bày và yêu cầu: Ông thống nhất một phần trình bày của bà H về ngày tháng, điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Giữa ông và bà H không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng do bà H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng mới ly thân.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị H.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất giữa ông và bà Trương Thị H có 03 con chung tên Lý Văn G, sinh ngày 24/12/1998, Lý Thái Học, sinh ngày 11/6/2005 và Lý Ngọc Hương V, sinh ngày 27/7/2012 - 03 con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn con chung Lý Văn G đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông đồng ý giao bà H được quyền trực tiếp nuôi con chung Lý Thái Học và Lý Ngọc Hương V. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn bà Trương Thị H, bị đơn ông Lý Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lý Văn B, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà H, bị đơn ông B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét đơn khởi kiện của bà H theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Trương Thị H và ông Lý Văn B chung sống có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện I. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà H và ông B, Hội đồng xét xử nhận định: Bà H và ông B đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét bà H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Ông B lại cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bà H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà H và ông B đã sống ly thân từ

năm 2012 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H và ông B thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà H và ông B thống nhất con chung Lý Văn G đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà H được quyền trực tiếp nuôi con chung Lý Thái Học và Lý Ngọc Hương V (phù hợp nguyện vọng con chung) đúng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Xét việc bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà H và ông B trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà H đã nộp đủ án phí.

[10] Ông B không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 55, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Lý Văn B.

2. Về nuôi con chung:

Con chung Lý Văn G, sinh ngày 24/12/1998 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trương Thị H được quyền trực tiếp nuôi con chung Lý Thái Học, sinh ngày 11/6/2005 và Lý Ngọc Hương V, sinh ngày 27/7/2012 (theo nguyện vọng của hai con chung), hiện 02 con chung đang sống với bà H. Ông Lý Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà H và ông B có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004995 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái